

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1621/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Hiệp hội công chứng viên Việt Nam và Cục trưởng Cục Bộ trợ tư pháp;

Sau khi đã có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Công văn số 2019/BNV-TCPCP ngày 09 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam đã được Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc lần thứ nhất (nhiệm kỳ 2019-2022), thông qua tại phiên họp ngày 14 tháng 01 năm 2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hiệp hội công chứng viên Việt Nam, Cục trưởng Cục Bộ trợ tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTgTTCP Trương Hòa Bình (để b/c);
- Ban Tổ chức Trung ương (để b/c);
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương (để b/c);
- Ban Nội chính Trung ương (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để p/h);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Thứ trưởng Phan Chí Hiếu (để biết);
- Công Thông tin Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

BỘ TRƯỞNG



Lê Thành Long

ĐIỀU LỆ
HIỆP HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN VIỆT NAM

ĐIỀU LỆ

HIỆP HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN VIỆT NAM

Hiệp hội công chứng viên Việt Nam là tổ chức xã hội - nghề nghiệp toàn quốc của các công chứng viên Việt Nam; đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có chức năng đại diện, tập hợp, đoàn kết, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên là các Hội công chứng viên và các công chứng viên đang hành nghề; đồng thời có trách nhiệm xây dựng và duy trì các chuẩn mực đạo đức hành nghề công chứng; thực hiện chế độ tự quản của công chứng viên theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam.

Điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam quy định về tổ chức, hoạt động của Hiệp hội, Hội công chứng viên; quyền, nghĩa vụ của hội viên; quan hệ của Hiệp hội, Hội công chứng viên với hội viên, với cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam được áp dụng thống nhất đối với Hiệp hội công chứng viên Việt Nam và các Hội công chứng viên.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội công chứng viên Việt Nam

Hiệp hội công chứng viên Việt Nam đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các công chứng viên, Hội công chứng viên là hội viên của Hiệp hội trong phạm vi cả nước; thực hiện chế độ tự quản nhằm xây dựng các giá trị, chuẩn mực của công chứng viên Việt Nam; phát triển đội ngũ công chứng viên có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội và phục vụ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Hiệp hội công chứng viên Việt Nam

1. Hiệp hội công chứng viên Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hiệp hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp toàn quốc của các công chứng viên Việt Nam, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Tên giao dịch quốc tế của Hiệp hội bằng tiếng Anh là Vietnam Notary Association (viết tắt là VNA).

3. Trụ sở của Hiệp hội được đặt tại Hà Nội - Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hiệp hội

Hiệp hội được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, công khai, minh bạch, phi lợi nhuận, tự chịu trách nhiệm về kinh phí hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ này; chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệp hội

1. Các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 39 Luật công chứng, Điều 30 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

2. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HIỆP HỘI

Điều 5. Các cơ quan của Hiệp hội

1. Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao

nhất của Hiệp hội.

2. Hội đồng công chứng viên toàn quốc là cơ quan lãnh đạo của Hiệp hội giữa hai kỳ Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc.

3. Ban Thường vụ Hiệp hội là cơ quan điều hành của Hiệp hội giữa hai kỳ họp của Hội đồng công chứng viên toàn quốc.

4. Văn phòng Hiệp hội, các cơ quan giúp việc của Hội đồng công chứng viên toàn quốc.

Điều 6. Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc

1. Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc do Hội đồng công chứng viên toàn quốc triệu tập theo nhiệm kỳ 03 (ba) năm một lần. Đại hội có thể được triệu tập bất thường theo quyết định của Hội đồng công chứng viên toàn quốc hoặc theo yêu cầu của ít nhất $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số Ủy viên Hội đồng công chứng viên toàn quốc hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội, bầu bổ sung Ủy viên Hội đồng công chứng viên toàn quốc khi khuyết ít nhất $\frac{1}{3}$ (một phần ba) số lượng Ủy viên Hội đồng công chứng viên toàn quốc hoặc quyết định những vấn đề quan trọng khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc.

2. Đại biểu tham dự Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc được Đại hội nhiệm kỳ hoặc bất thường của các Hội công chứng viên bầu với số lượng theo sự phân bổ của Hội đồng công chứng viên toàn quốc.

3. Đại biểu tham dự Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc phải là công chứng viên đang hành nghề, là hội viên của Hội công chứng viên, có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ Hiệp hội, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, có tinh thần trách nhiệm và khả năng đóng góp cho hoạt động của Hiệp hội; không phải là người đang bị xem xét kỷ luật, người đã bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong nhiệm kỳ; không phải là người thuộc trường hợp bị miễn nhiệm công chứng viên, đang bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng.

4. Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc họp lệ nếu có ít nhất $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) số đại biểu được triệu tập tham dự. Trong trường hợp không đủ $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) số đại biểu được triệu tập tham dự thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày triệu tập lần thứ nhất phải triệu tập Đại hội lần thứ hai. Đại hội triệu tập lần thứ hai họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu được triệu tập tham dự.

5. Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo của Hội đồng công chứng viên toàn quốc về kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ trước, phương hướng hoạt động của Hiệp hội nhiệm kỳ tiếp theo;

b) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội (nếu có);

c) Quyết định số lượng Ủy viên Hội đồng công chứng viên toàn quốc, Ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội, Phó Chủ tịch Hiệp hội; bầu Ủy viên Hội đồng công chứng viên toàn quốc;

d) Thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng khác theo đề nghị của Hội đồng công chứng viên toàn quốc hoặc của Ban Thường vụ Hiệp hội.

6. Nghị quyết Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc được thông qua khi được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 7. Hội đồng công chứng viên toàn quốc

1. Hội đồng công chứng viên toàn quốc (sau đây gọi tắt là Hội đồng) do Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc bầu, có nhiệm kỳ 03 (ba) năm theo nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Ủy viên Hội đồng phải là công chứng viên đang hành nghề, có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Hiệp hội; tuân thủ Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng;

c) Có điều kiện về thời gian, năng lực và sẵn sàng đóng góp cho hoạt động của Hiệp hội;

d) Có trình độ chuyên môn, năng lực xử lý công việc, đưa ra quyết định; có uy tín và tinh thần trách nhiệm, khả năng đóng góp vào những quyết định của Hội đồng;

đ) Đã được cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến nhất trí.

3. Các trường hợp sau đây thì không được ứng cử Ủy viên Hội đồng:

a) Thuộc trường hợp bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định của Luật công chứng;

b) Đang bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng;

c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề công chứng mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo

quy định của pháp luật;

d) Đang bị xem xét kỷ luật; đã bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong nhiệm kỳ.

4. Việc bầu Ủy viên Hội đồng được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Công chứng viên trúng cử Ủy viên Hội đồng phải đạt được số phiếu trên 1/2 (một phần hai) tổng số phiếu bầu hợp lệ.

5. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng;

b) Quyết định chủ trương, biện pháp nhằm thực hiện Nghị quyết và các quyết định của Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc;

c) Thông qua báo cáo công tác, báo cáo tài chính và chương trình hoạt động hàng năm của Hiệp hội;

d) Bầu Ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký; khiển trách, tạm đình chỉ tư cách Ủy viên Hội đồng; miễn nhiệm, bãi nhiệm Ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, Ủy viên Hội đồng;

đ) Quyết định việc triệu tập Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc định kỳ hoặc bất thường;

e) Quy định thủ tục gia nhập, rút tên khỏi danh sách hội viên của Hội công chứng viên, chuyển Hội công chứng viên và khai trừ tư cách hội viên, xử lý kỷ luật đối với hội viên;

g) Quy định phí gia nhập, phí hội viên và tỷ lệ trích nộp về Hiệp hội;

h) Thành lập Quỹ bồi thường thiệt hại để hỗ trợ việc bồi thường thiệt hại do lỗi của hội viên là công chứng viên khi hành nghề công chứng trong trường hợp bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của hội viên không đủ bồi thường; quản lý Quỹ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

i) Quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc Hiệp hội quy định tại Điều 13 Điều lệ này;

k) Ban hành quy chế tài chính, quy chế đối ngoại và hợp tác quốc tế và các quy chế khác nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệp hội;

l) Trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, phê duyệt Điều lệ Hiệp hội sau khi đã được Đại hội thông qua theo quy định của pháp luật;

m) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Hội đồng họp thường kỳ ít nhất 01 (một) lần trong một năm theo triệu

tập của Ban Thường vụ Hiệp hội. Ban Thường vụ Hiệp hội có thể triệu tập Hội đồng hợp bất thường để quyết định những nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên Ban Thường vụ hoặc 1/3 (một phần ba) số Ủy viên Hội đồng yêu cầu. Các cuộc họp của Hội đồng hợp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên Hội đồng tham gia.

7. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng phải được trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp biểu quyết tán thành.

Hội đồng có thể thông qua Nghị quyết, Quyết định bằng hình thức lấy ý kiến của các Ủy viên Hội đồng bằng văn bản. Trong trường hợp này, Nghị quyết, Quyết định được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Hội đồng tán thành.

8. Ủy viên Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng, trường hợp vắng mặt phải có lý do chính đáng và có văn bản báo cáo Chủ tịch Hiệp hội xem xét, quyết định;

b) Tham gia thảo luận những vấn đề trong chương trình nghị sự của Hội đồng, biểu quyết thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng;

c) Gương mẫu chấp hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng; phổ biến, thuyết phục công chúng viên thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng;

d) Hoàn thành chức trách, nhiệm vụ do Hội đồng, Ban Thường vụ Hiệp hội phân công;

đ) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này.

9. Ủy viên Hội đồng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì tùy theo tính chất, mức độ có thể bị Hội đồng khiển trách, tạm đình chỉ tư cách Ủy viên Hội đồng, bị bãi nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này.

Điều 8. Ban Thường vụ Hiệp hội

1. Ban Thường vụ Hiệp hội (sau đây gọi tắt là Ban Thường vụ) do Hội đồng bầu ra trong số Ủy viên Hội đồng. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các Ủy viên.

2. Ủy viên Ban Thường vụ phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có tâm huyết với sự nghiệp phát triển nghề công chứng Việt Nam;

b) Có bề dày kinh nghiệm nghề nghiệp và hoạt động thực tiễn; có năng

lực tổ chức, điều hành và quản lý trong lĩnh vực công chứng;

c) Am hiểu pháp luật, công tác tư pháp liên quan đến hoạt động công chứng;

d) Có thời gian và các điều kiện khác tham gia thường xuyên vào công việc của Hiệp hội;

đ) Có uy tín, khả năng thu hút, quy tụ các công chứng viên tham gia các hoạt động chung của Hiệp hội;

e) Đã được cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến nhất trí.

3. Việc bầu Ban Thường vụ được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Người trúng cử Ban Thường vụ phải đạt được số phiếu trên 1/2 (một phần hai) tổng số phiếu bầu hợp lệ.

4. Ban Thường vụ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định việc thành lập, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hiệp hội và các cơ quan giúp việc của Hiệp hội được quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

b) Hướng dẫn việc thực hiện Điều lệ Hiệp hội; kiểm tra, giám sát hội viên trong việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Hiệp hội, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng, Ban Thường vụ; đình chỉ thi hành, yêu cầu sửa đổi một phần hoặc hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định của Hội công chứng viên trái với Điều lệ Hiệp hội, Nghị quyết, Quyết định của Hiệp hội;

c) Giám sát việc tuân thủ Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng;

d) Triệu tập cuộc họp của Hội đồng; quyết định những vấn đề cần thiết giữa các kỳ họp của Hội đồng; quyết định kế hoạch công tác cụ thể của Hiệp hội theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng; phân công công tác các thành viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;

đ) Hướng dẫn việc bầu đại biểu tham dự Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc; chuẩn bị các văn kiện, quy trình đề cử, ứng cử, lập danh sách ứng cử viên và các vấn đề liên quan đến việc bầu cử Hội đồng, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký; báo cáo Bộ Tư pháp cho ý kiến về các nội dung quy định tại điểm này;

e) Hướng dẫn về thời gian, nội dung, thủ tục tổ chức Đại hội nhiệm kỳ của Hội công chứng viên; cho ý kiến về Đề án tổ chức Đại hội Hội công chứng viên, phương án nhân sự bầu vào các cơ quan của Hội công chứng viên;

g) Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp miễn nhiệm công chứng viên trong trường hợp phát hiện công chứng viên thuộc một trong các trường hợp bị miễn nhiệm theo quy định của pháp luật;

h) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, yêu cầu sửa đổi Nghị quyết, Quyết định của Hội công chứng viên trái với quy định của pháp luật;

i) Hướng dẫn nội dung, kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm, tổ chức thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức tổng kết, trao đổi kinh nghiệm hành nghề công chứng và thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho hội viên trong cả nước; tổ chức bình chọn, vinh danh hội viên, tổ chức hành nghề công chứng có thành tích;

l) Tập hợp và phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp của hội viên với Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc;

m) Quyết định kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Hiệp hội; quy định và hướng dẫn công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế cho hội viên;

n) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này;

o) Báo cáo hàng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; gửi Bộ Tư pháp các Nghị quyết, Quyết định của Hiệp hội;

p) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này.

5. Ban Thường vụ họp thường kỳ ít nhất 02 (hai) lần trong một năm và có thể họp bất thường để thảo luận, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ theo đề nghị của ít nhất 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban Thường vụ hoặc theo quyết định của Chủ tịch. Cuộc họp của Ban Thường vụ họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên Ban Thường vụ tham dự.

6. Ban Thường vụ làm việc theo nguyên tắc tập thể. Nghị quyết, Quyết định của Ban Thường vụ phải được trên một phần hai (1/2) số Ủy viên có mặt tại cuộc họp biểu quyết tán thành; trường hợp biểu quyết có số phiếu bằng nhau thì vấn đề được quyết định theo ý kiến của bên có phiếu của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chủ trì cuộc họp.

Ban Thường vụ có thể thông qua Nghị quyết, Quyết định bằng hình thức lấy ý kiến các Ủy viên Ban Thường vụ bằng văn bản. Trong trường hợp này, Nghị quyết, Quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban Thường vụ tán thành.

Điều 9. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp hội

1. Chủ tịch Hiệp hội do Hội đồng bầu ra trong số Ủy viên Ban Thường vụ

và theo nhiệm kỳ của Hội đồng. Chủ tịch Hiệp hội đồng thời là Chủ tịch Hội đồng. Một hội viên chỉ được bầu làm Chủ tịch Hiệp hội nhiều nhất là 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Chủ tịch Hiệp hội phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; có năng lực lãnh đạo, điều hành ở tầm vĩ mô; có uy tín và khả năng quy tụ, tập hợp đội ngũ công chứng viên trong cả nước;

b) Có ý thức tuân thủ và năng lực triển khai chủ trương, quyết định của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ở Trung ương;

c) Có khả năng xây dựng và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ...), các tổ chức đoàn thể ở Trung ương và địa phương;

d) Có tâm huyết với sự nghiệp phát triển nghề công chứng và dám chịu trách nhiệm;

đ) Có thời gian và điều kiện khác bảo đảm để điều hành hoạt động của Hiệp hội;

e) Đã được cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến nhất trí.

3. Chủ tịch Hiệp hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Đại diện theo pháp luật của Hiệp hội;

b) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc và Hội đồng về hoạt động của Hiệp hội;

c) Điều hành việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc, Hội đồng, Ban Thường vụ và giám sát mọi hoạt động của Hiệp hội;

d) Chủ trì cuộc họp của Hội đồng, Ban Thường vụ; ký các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng, Ban Thường vụ sau khi đã được Hội đồng, Ban Thường vụ biểu quyết thông qua;

đ) Chấp hành nguyên tắc làm việc dân chủ, tập thể, quyết định theo đa số khi thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hiệp hội;

e) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này.

4. Phó Chủ tịch Hiệp hội do Hội đồng bầu ra trong số Ủy viên Ban Thường vụ và theo nhiệm kỳ của Hội đồng. Phó Chủ tịch Hiệp hội đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng. Phó Chủ tịch phụ trách công việc theo sự phân công của Ban Thường vụ và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Ban Thường vụ và Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hiệp hội tạm thời không thực hiện được nhiệm

vụ, quyền hạn của mình vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác thì Ban Thường vụ cử một Phó Chủ tịch Hiệp hội tạm thời thay thế Chủ tịch Hiệp hội điều hành hoạt động của Hội đồng, Ban Thường vụ.

5. Việc bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp hội được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Người trúng cử phải đạt được số phiếu trên 1/2 (một phần hai) tổng số phiếu bầu hợp lệ.

Điều 10. Tổng thư ký Hiệp hội

1. Tổng thư ký Hiệp hội do Hội đồng bầu ra trong số Ủy viên Ban Thường vụ và theo nhiệm kỳ của Hội đồng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng, Ban Thường vụ và Chủ tịch Hiệp hội.

2. Tổng thư ký có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Giúp Ban Thường vụ xây dựng và điều hành thực hiện kế hoạch hoạt động, chương trình công tác của Hiệp hội;

b) Điều hành sự phối hợp giữa các cơ quan giúp việc của Hiệp hội trong việc triển khai các hoạt động của Hiệp hội;

c) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng, Ban Thường vụ và Chủ tịch Hiệp hội;

d) Phụ trách công tác thư ký các cuộc họp của Hội đồng, Ban Thường vụ;

đ) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này hoặc do Ban Thường vụ, Chủ tịch Hiệp hội giao.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh của Hiệp hội

1. Việc miễn nhiệm Ủy viên Hội đồng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Tự nguyện rút khỏi chức danh mà mình đang đảm nhiệm;

c) Vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ.

Việc miễn nhiệm Ủy viên Hội đồng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký do Hội đồng quyết định theo đa số bằng hình thức bỏ phiếu kín.

2. Ủy viên Hội đồng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các quy định của Hiến pháp, pháp luật khi thực hiện nhiệm

vụ, quyền hạn của mình; xâm hại lợi ích của Hiệp hội;

b) Không chấp hành yêu cầu, quy định, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong công tác của Hiệp hội sau khi được nhắc nhở bằng văn bản;

c) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách hội viên hoặc khai trừ khỏi Hội công chứng viên;

d) Bị miễn nhiệm công chứng viên;

đ) Không còn tín nhiệm của trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Hội đồng.

Việc bãi nhiệm Ủy viên Hội đồng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký do Hội đồng quyết định theo đa số bằng hình thức bỏ phiếu kín.

3. Trong thời gian giữa các kỳ họp của Hội đồng, Ban Thường vụ có quyền quyết định tạm đình chỉ tư cách Ủy viên Hội đồng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và đề nghị Hội đồng xem xét, quyết định bãi nhiệm tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng.

4. Căn cứ quy định Điều lệ này và quy định của pháp luật, Hội đồng quy định cụ thể thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Ủy viên Hội đồng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký.

Điều 12. Văn phòng Hiệp hội và các cơ quan giúp việc của Hội đồng công chứng viên toàn quốc

1. Văn phòng Hiệp hội là cơ quan giúp việc của Hiệp hội.

Chủ tịch Hiệp hội quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hiệp hội theo Nghị quyết của Ban Thường vụ.

2. Các cơ quan giúp việc của Hội đồng công chứng viên toàn quốc gồm:

a) Ban Chuyên môn và đào tạo, bồi dưỡng;

b) Ban Bảo vệ quyền lợi của hội viên;

c) Ban Kiểm tra, giám sát và khen thưởng, kỷ luật;

d) Ban Tài chính.

Chủ tịch Hiệp hội quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban, Phó Trưởng ban theo Nghị quyết của Ban Thường vụ. Trưởng Ban, Phó Trưởng ban phải là Ủy viên Hội đồng.

Điều 13. Đơn vị trực thuộc Hiệp hội

1. Ngoài các cơ quan quy định tại Điều 5, Điều 12 Điều lệ này, căn cứ

nhu cầu, điều kiện thực tiễn, Hội đồng quyết định việc thành lập đơn vị trực thuộc Hiệp hội.

2. Việc thành lập đơn vị trực thuộc Hiệp hội quy định tại khoản 1 Điều này phải được Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt.

Chương III

HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN

Điều 14. Địa vị pháp lý của Hội công chứng viên

1. Hội công chứng viên là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên được thành lập ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Tên gọi của Hội công chứng viên bao gồm cụm từ “Hội công chứng viên” và tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội công chứng viên được thành lập.

2. Hội viên của Hội công chứng viên là các công chứng viên đang hành nghề công chứng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đã gia nhập Hội.

3. Hội công chứng viên được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật công chứng, các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ này.

4. Hội công chứng viên là hội viên của Hiệp hội, có các quyền, nghĩa vụ hội viên của Hiệp hội, được Hiệp hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chịu sự hướng dẫn, giám sát của Hiệp hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 15. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội công chứng viên

Hội công chứng viên được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, công khai, minh bạch, phi lợi nhuận, tự chịu trách nhiệm về kinh phí hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này; chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi Hội công chứng viên được thành lập và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội công chứng viên

1. Các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP.

2. Đại diện ý chí, nguyện vọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên Hội công chứng viên trong quan hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Bầu hội viên tham dự Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc; giới

thiệu hội viên vào danh sách bầu vào các cơ quan và các chức danh lãnh đạo của Hiệp hội.

4. Đề xuất ý kiến, kiến nghị về việc củng cố, phát triển tổ chức, hoạt động của Hiệp hội.

5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Các cơ quan của Hội công chứng viên

1. Đại hội toàn thể công chứng viên là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội công chứng viên.

2. Ban chấp hành Hội công chứng viên (sau đây gọi tắt là Ban chấp hành) là cơ quan chấp hành của Đại hội toàn thể công chứng viên, do Đại hội toàn thể công chứng viên bầu ra.

3. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Hội công chứng viên do Đại hội toàn thể công chứng viên bầu ra theo nhiệm kỳ của Ban chấp hành.

Điều 18. Đại hội toàn thể công chứng viên

1. Đại hội toàn thể công chứng viên (sau đây gọi tắt là Đại hội Hội công chứng viên) được tổ chức theo nhiệm kỳ 03 (ba) năm một lần. Đại hội Hội công chứng viên có thể được triệu tập bất thường theo quyết định của Ban chấp hành hoặc theo đề nghị của ít nhất 1/2 (một phần hai) số hội viên hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội Hội công chứng viên.

2. Đại hội Hội công chứng viên hợp lệ nếu có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu được triệu tập tham dự. Trong trường hợp không đủ 2/3 (hai phần ba) số đại biểu được triệu tập tham dự thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày triệu tập lần thứ nhất phải triệu tập Đại hội lần thứ hai. Đại hội triệu tập lần thứ hai hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu được triệu tập tham dự.

3. Đại hội Hội công chứng viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thảo luận, thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội công chứng viên và Ban chấp hành trong nhiệm kỳ; phương hướng, kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo; thông qua báo cáo tài chính của Hội công chứng viên trong nhiệm kỳ;

b) Ban hành Nội quy hoặc sửa đổi, bổ sung Nội quy của Hội công chứng viên (nếu có);

c) Bầu Ban chấp hành, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật; bầu đại biểu tham dự Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc.

4. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội Hội công chứng viên được thông

qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu có mặt tại Đại hội Hội công chứng viên biểu quyết tán thành.

5. Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội Hội công chứng viên, Ban chấp hành gửi Hiệp hội và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Hội công chứng viên được thành lập Đề án tổ chức Đại hội Hội công chứng viên, phương án nhân sự bầu hoặc bầu bổ sung vào Ban chấp hành, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật. Đại hội chỉ được tiến hành sau khi có sự phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Hội công chứng viên được thành lập và có ý kiến của Hiệp hội.

6. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc Đại hội Hội công chứng viên, Ban chấp hành gửi 01 (một) bộ hồ sơ báo cáo kết quả Đại hội cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Hội được thành lập và Hiệp hội để chuẩn y kết quả bầu cử nhân sự Hội công chứng viên.

Điều 19. Ban chấp hành Hội công chứng viên

1. Ban chấp hành do Đại hội Hội công chứng viên bầu ra, có nhiệm kỳ 03 (ba) năm theo nhiệm kỳ của Đại hội Hội công chứng viên.

Ban chấp hành điều hành hoạt động của Hội công chứng viên giữa hai nhiệm kỳ Đại hội Hội công chứng viên. Ban chấp hành có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban chấp hành do Đại hội Hội công chứng viên quyết định.

2. Việc bầu Ban chấp hành được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Công chứng viên trúng cử Ủy viên Ban chấp hành phải đạt được số phiếu trên 1/2 (một phần hai) tổng số phiếu bầu hợp lệ.

3. Ủy viên Ban chấp hành phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có phẩm chất đạo đức tốt;
- b) Gương mẫu chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ Hiệp hội, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng và Nội quy Hội công chứng viên;
- c) Có uy tín và khả năng tập hợp, đoàn kết hội viên; có năng lực quản lý, điều hành hoạt động Hội công chứng viên.

4. Hội viên thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được ứng cử, đề cử vào Ban chấp hành Hội:

- a) Thuộc trường hợp bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định của Luật công chứng;
- b) Đang bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng;
- c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề công

chứng nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Đang bị xem xét kỷ luật; đã bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên trong nhiệm kỳ.

5. Ban chấp hành họp ít nhất 03 (ba) tháng một lần và có thể họp bất thường theo đề nghị của ít nhất 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban chấp hành hoặc theo quyết định của Chủ tịch để thảo luận, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban chấp hành.

6. Ban chấp hành làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Cuộc họp Ban chấp hành họp lệ nếu có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên Ban chấp hành tham dự. Quyết định của Ban chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban chấp hành có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp biểu quyết có số phiếu bằng nhau thì vấn đề được quyết định theo ý kiến của bên có phiếu của Chủ tịch hoặc của Phó Chủ tịch chủ trì cuộc họp.

7. Ban chấp hành có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội và Nội quy Hội công chứng viên;

b) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội công chứng viên;

c) Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội công chứng viên;

d) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chấp hành, Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội công chứng viên và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hiệp hội, Nội quy Hội công chứng viên và quy định của pháp luật;

đ) Giám sát hội viên trong việc tuân thủ pháp luật, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, Điều lệ Hiệp hội và Nội quy Hội công chứng viên; giám sát hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng; đề nghị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và xử lý theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm theo hướng dẫn của Hiệp hội; tổ chức bồi dưỡng theo nhu cầu về chuyên môn nghiệp vụ, về kỹ năng quản trị, điều hành tổ chức hành nghề công chứng; tham gia ý kiến với Sở Tư pháp trong việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên, thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng, chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật;

g) Hòa giải các tranh chấp có liên quan đến hành nghề giữa các hội viên,

giữa hội viên với tổ chức hành nghề công chứng; giữa các tổ chức hành nghề công chứng với nhau; giữa người yêu cầu công chứng với hội viên, tổ chức hành nghề công chứng;

h) Tổ chức lấy ý kiến và tập hợp ý kiến đóng góp của công chứng viên trong việc xây dựng chính sách, pháp luật có liên quan;

i) Tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Hiệp hội;

k) Báo cáo Hiệp hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Hội được thành lập về tổ chức, hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Hiệp hội;

l) Xét và quyết định kết nạp hội viên, cho hội viên rút tên; xem xét và quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với hội viên; giải quyết khiếu nại, tố cáo của hội viên;

m) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 20. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban chấp hành Hội công chứng viên

1. Chủ tịch Hội công chứng viên (sau đây gọi tắt là Chủ tịch Hội) do Ban chấp hành bầu ra trong số các Ủy viên Ban chấp hành. Một hội viên chỉ được bầu làm Chủ tịch Hội nhiều nhất 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Chủ tịch Hội phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có bản lĩnh chính trị vững vàng; có năng lực lãnh đạo, điều hành; có uy tín và khả năng quy tụ, tập hợp đội ngũ công chứng viên tại địa phương;

b) Có khả năng xây dựng và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan nhà nước, tổ chức đảng, chính quyền tại địa phương;

c) Có thời gian và điều kiện khác bảo đảm để điều hành hoạt động của Hội công chứng viên.

3. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Đại diện theo pháp luật và chịu trách nhiệm chung về mọi mặt hoạt động của Hội công chứng viên;

b) Phân công và điều hành hoạt động của Ban chấp hành trong việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội Hội công chứng viên và trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội công chứng viên;

c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban chấp hành; ký các Nghị quyết, Quyết định của Ban chấp hành sau khi Ban chấp hành thông qua;

d) Chấp hành nguyên tắc làm việc dân chủ, tập thể, quyết định theo đa số

trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội;

đ) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Phó Chủ tịch Hội công chứng viên (sau đây gọi tắt là Phó Chủ tịch Hội) do Ban chấp hành bầu ra trong số các Ủy viên Ban chấp hành. Phó Chủ tịch Hội phụ trách công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, Ban chấp hành. Trong trường hợp Chủ tịch Hội tạm thời không thực hiện được nhiệm vụ, quyền hạn của mình vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác thì Ban chấp hành Hội cử một Phó Chủ tịch tạm thời thay thế Chủ tịch điều hành hoạt động của Ban chấp hành.

5. Việc bầu Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Hội được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Người trúng cử Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Hội phải đạt được số phiếu trên 1/2 (một phần hai) tổng số phiếu bầu hợp lệ.

6. Việc miễn nhiệm Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Hội, Ủy viên Ban chấp hành được thực hiện đối với các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Điều lệ này, do Ban chấp hành quyết định theo đa số bằng hình thức bỏ phiếu kín.

7. Việc bãi nhiệm Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch Hội, Ủy viên Ban chấp hành được thực hiện đối với các trường hợp theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 11 Điều lệ này, do Ban chấp hành quyết định theo đa số bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc khi không còn tín nhiệm của trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban chấp hành.

8. Trong trường hợp Chủ tịch Hội bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thì Ban chấp hành bầu Chủ tịch mới trong số các Phó Chủ tịch Hội, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Hội công chứng viên được thành lập và Hiệp hội.

Trong trường hợp chưa bầu được Chủ tịch Hội mới, Ban chấp hành cử một Phó Chủ tịch Hội điều hành hoạt động của Hội cho đến khi bầu được Chủ tịch Hội mới hoặc cho đến nhiệm kỳ Đại hội Hội công chứng viên tiếp theo.

Điều 21. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật

1. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật là cơ quan tham mưu của Hội công chứng viên trong công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo do Đại hội Hội công chứng viên bầu ra theo nhiệm kỳ của Đại hội Hội công chứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng khen thưởng, kỷ luật phải đạt trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu có mặt tán thành.

2. Thành viên Hội đồng khen thưởng, kỷ luật phải có các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành quy định của pháp luật, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, Điều lệ Hiệp hội và Nội quy Hội

công chứng viên;

b) Trung thực, khách quan, vô tư;

c) Có uy tín trong Hội công chứng viên.

3. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Chủ tịch, Phó Chủ tịch do Hội đồng khen thưởng, kỷ luật bầu ra trong số các Ủy viên của Hội đồng, trong đó Chủ tịch phải là Ủy viên Ban chấp hành. Số lượng thành viên của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật do Đại hội Hội công chứng viên quyết định. Người trúng cử Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật phải đạt trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng khen thưởng, kỷ luật tán thành.

4. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xem xét và đề nghị Ban chấp hành quyết định các hình thức khen thưởng của Hội hoặc đề nghị Ban chấp hành trình Hiệp hội, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng đối với công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng và các cơ quan, đơn vị giúp việc khác của Hội;

b) Xác minh, xem xét và đề nghị Ban chấp hành quyết định các hình thức kỷ luật đối với công chứng viên;

c) Thụ lý, xác minh, xem xét đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Hội và đề xuất với Ban chấp hành về việc giải quyết các đơn, thư đó.

5. Cuộc họp của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên của Hội đồng tham dự.

6. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số; trường hợp số phiếu ngang nhau thì thực hiện theo quyết định của bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Điều 22. Đơn vị trực thuộc của Hội công chứng viên

1. Ngoài các cơ quan quy định tại Điều 17 Điều lệ này, căn cứ nhu cầu, điều kiện thực tiễn, Hội công chứng viên quyết định thành lập đơn vị trực thuộc của Hội.

2. Việc thành lập đơn vị trực thuộc của Hội quy định tại khoản 1 Điều này phải được sự phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 23. Nội quy Hội công chứng viên

1. Nội quy Hội công chứng viên do Đại hội Hội công chứng viên ban hành, quy định những vấn đề thuộc nội bộ Hội công chứng viên và không được

trái với Điều lệ này. Việc thông qua, sửa đổi, bổ sung Nội quy Hội công chứng viên thuộc thẩm quyền của Đại hội Hội công chứng viên.

2. Nội quy Hội công chứng viên gồm những nội dung chính sau đây:

- a) Quy định cụ thể về bộ máy, các cơ quan, đơn vị trực thuộc khác của Hội công chứng viên;
- b) Quy định quyền, nghĩa vụ của hội viên;
- c) Quy định việc thu, chi tài chính, quản lý, sử dụng tài sản của Hội công chứng viên;
- d) Các nội dung khác theo quy định của Điều lệ này.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Nội quy được thông qua hoặc sửa đổi, bổ sung, Ban chấp hành gửi Nội quy Hội công chứng viên cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Hội được thành lập và Hiệp hội.

Chương IV **HỘI VIÊN HIỆP HỘI, HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN**

Điều 24. Hội viên Hiệp hội, Hội công chứng viên

1. Hội viên Hiệp hội gồm các công chứng viên đang hành nghề và các Hội công chứng viên.

Hội công chứng viên đã được thành lập là thành viên đương nhiên của Hiệp hội công chứng viên Việt Nam.

Các Hội công chứng viên có quan hệ bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội viên Hội công chứng viên gồm các công chứng viên đang hành nghề trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đã gia nhập Hội.

Điều 25. Quyền, nghĩa vụ của hội viên Hiệp hội, Hội công chứng viên

1. Quyền của hội viên:

- a) Các quyền theo quy định của pháp luật;
- b) Được Hiệp hội, Hội công chứng viên hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trong hoạt động hành nghề;
- c) Được tự ứng cử, đề cử đại biểu tham dự Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc, Đại hội Hội công chứng viên; tham gia vào các cơ quan của Hiệp hội, Hội công chứng viên; được Hiệp hội, Hội công chứng viên giới thiệu ứng cử vào các cơ quan dân cử, cơ quan của các tổ chức xã hội khác ở Trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật, Điều lệ của các tổ chức đó;
- d) Giám sát hoạt động các cơ quan của Hiệp hội, Hội công chứng viên;

kiến nghị xử lý vi phạm;

đ) Khiếu nại đối với quyết định của các cơ quan của Hiệp hội, Hội công chứng viên trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này; vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

e) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Nội quy Hội công chứng viên.

2. Nghĩa vụ của hội viên:

a) Thực hiện các nghĩa vụ của hội viên theo quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, Điều lệ Hiệp hội, Nội quy Hội công chứng viên, Nghị quyết, Quyết định của Hiệp hội, Hội công chứng viên mà mình là hội viên;

c) Tổ chức cho các công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng do mình đứng đầu tham gia các hoạt động của Hiệp hội, Hội công chứng viên;

d) Chấp hành yêu cầu của Ban chấp hành về việc chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng của tổ chức hành nghề công chứng do mình đứng đầu;

đ) Định kỳ 06 (sáu) tháng và hàng năm báo cáo Ban chấp hành về tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng do mình đứng đầu;

e) Nộp phí hội viên đầy đủ và đúng hạn;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Nội quy Hội công chứng viên.

Điều 26. Gia nhập Hội công chứng viên

1. Công chứng viên gửi hồ sơ đề nghị gia nhập Hội công chứng viên đến Ban chấp hành. Hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị gia nhập Hội công chứng viên;

b) Bản sao Quyết định bổ nhiệm công chứng viên;

c) Giấy tờ tùy thân và giấy tờ chứng minh nơi cư trú.

2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban chấp hành xem xét, ra Quyết định kết nạp hội viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

Điều 27. Rút tên theo nguyện vọng khỏi danh sách hội viên Hội công chứng viên, chuyển Hội công chứng viên

1. Công chứng viên có nguyện vọng rút tên khỏi danh sách hội viên Hội công chứng viên thì phải có Giấy đề nghị rút tên có xác nhận của tổ chức hành

nghề công chứng gửi Ban chấp hành.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị, Ban chấp hành ra Quyết định xóa tên công chứng viên trong danh sách hội viên, đồng thời gửi Quyết định xóa tên hội viên cho Hiệp hội và Sở Tư pháp.

2. Hội viên muốn chuyển từ Hội công chứng viên này sang Hội công chứng viên khác phải thực hiện thủ tục rút tên khỏi danh sách hội viên của Hội công chứng viên mà mình đang là hội viên và đề nghị Ban chấp hành có văn bản giới thiệu gia nhập Hội công chứng viên mà mình muốn gia nhập.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Ban chấp hành ra văn bản giới thiệu hội viên đến Hội công chứng viên mà hội viên muốn gia nhập; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.

3. Hội viên bị từ chối rút tên khỏi danh sách hội viên nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Đang trong quá trình bị xem xét kỷ luật;
- b) Đang trong thời gian chấp hành hình thức kỷ luật tạm đình chỉ tư cách hội viên;
- c) Đang trong quá trình giải quyết tranh chấp với người yêu cầu công chứng hoặc tổ chức hành nghề công chứng nơi hành nghề;
- d) Đang trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hành nghề của hội viên;
- đ) Chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp phí hội viên tính đến thời điểm xin rút tên;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 28. Hội viên danh dự của Hiệp hội, Hội công chứng viên

1. Cá nhân được công nhận là hội viên danh dự của Hiệp hội nếu có công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, phát triển hoạt động công chứng của Việt Nam, có uy tín rộng rãi trong đội ngũ công chứng viên Việt Nam.

Hội đồng công chứng viên toàn quốc quyết định công nhận hội viên danh dự của Hiệp hội theo đề nghị của Ban Thường vụ.

Hội viên danh dự của Hiệp hội được mời tham dự và tham gia ý kiến tại Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc; được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng công chứng viên toàn quốc theo quyết định của Ban Thường vụ; được xét khen thưởng, tặng danh hiệu vinh dự của Hiệp hội; không được tham gia biểu quyết, đề cử, ứng cử vào các cơ quan của Hiệp hội.

2. Cá nhân được công nhận là hội viên danh dự của Hội công chứng viên

nếu có công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, phát triển hoạt động công chúng của địa phương, có uy tín rộng rãi trong đội ngũ công chứng viên địa phương.

Đại hội Hội công chứng viên quyết định công nhận hội viên danh dự của Hội công chứng viên theo đề nghị của Ban chấp hành.

Hội viên danh dự của Hội công chứng viên được mời tham dự và tham gia ý kiến tại Đại hội Hội công chứng viên; được mời tham gia các hoạt động khác của Hội công chứng viên khi cần thiết theo quyết định của Ban chấp hành; được Hội công chứng viên xem xét khen thưởng khi có đóng góp xuất sắc cho hoạt động của Hội công chứng viên; không được tham gia biểu quyết, đề cử, ứng cử vào các cơ quan của Hội công chứng viên.

Chương V

TÀI CHÍNH

Điều 29. Chế độ tài chính

Hiệp hội và Hội công chứng viên hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự trang trải bằng nguồn thu từ phí hội viên và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 30. Thu, chi tài chính của Hiệp hội

1. Nguồn thu của Hiệp hội gồm:

- a) Khoản trích nộp phí của các Hội công chứng viên;
- b) Các khoản đóng góp tự nguyện của hội viên, tổ chức hành nghề công chứng;
- c) Các khoản thu từ hoạt động của Hiệp hội;
- d) Các khoản tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước;
- đ) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Hiệp hội gồm:

- a) Chi hoạt động của các cơ quan Hiệp hội;
- b) Chi xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị làm việc; bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị và thuê trụ sở (nếu có);
- c) Chi phụ cấp các chức danh lãnh đạo, chức danh quản lý của Hiệp hội; chi lương nhân viên trong bộ máy của Hiệp hội; chi khen thưởng;
- d) Chi triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệp hội;
- đ) Chi hoạt động hợp tác quốc tế;
- e) Các khoản chi hợp lý khác.

3. Việc thu, chi của Hiệp hội phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng theo Quy chế tài chính do Hội đồng công chứng viên toàn quốc ban hành.

4. Căn cứ quy định của Điều lệ này và pháp luật về tài chính, Hội đồng công chứng viên toàn quốc ban hành Quy chế tài chính của Hiệp hội, trong đó quy định các khoản thu, chi, thủ tục thu, chi và thẩm quyền quyết định các khoản thu, chi.

Điều 31. Thu, chi tài chính của Hội công chứng viên

1. Nguồn thu của Hội công chứng viên gồm:

- a) Phí gia nhập, phí hội viên;
- b) Các khoản đóng góp tự nguyện của hội viên, tổ chức hành nghề công chứng;
- c) Các khoản thu từ hoạt động của Hội công chứng viên;
- d) Hỗ trợ của Hiệp hội; tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước;
- đ) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Hội công chứng viên gồm:

- a) Chi hoạt động của các cơ quan Hội công chứng viên;
- b) Chi xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị làm việc; bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị và thuê trụ sở (nếu có);
- c) Chi phụ cấp các chức danh lãnh đạo, chức danh quản lý của Hội; chi lương nhân viên trong bộ máy của Hội công chứng viên; chi khen thưởng;
- d) Chi triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Hội công chứng viên;
- đ) Các khoản chi hợp lý khác.

3. Việc thu, chi của Hội công chứng viên phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của Nội quy Hội công chứng viên, Điều lệ này và pháp luật về tài chính.

4. Căn cứ quy định của Nội quy Hội công chứng viên, Điều lệ này và pháp luật tài chính, Ban chấp hành quy định chi tiết các khoản thu, chi, thủ tục thu, chi và thẩm quyền quyết định các khoản thu, chi của Hội.

Điều 32. Phí gia nhập, phí hội viên

1. Công chứng viên được kết nạp vào Hội công chứng viên phải nộp phí gia nhập. Hội viên phải nộp phí hội viên cho Hội công chứng viên.

2. Ban chấp hành quyết định mức phí, các trường hợp được miễn, giảm

phí, phương thức thu và có trách nhiệm thu phí và trích nộp phí thu được cho Hiệp hội.

3. Hội đồng công chứng viên toàn quốc quy định mức trích nộp phí thu được cho Hiệp hội.

Điều 33. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản khác của Hiệp hội, Hội công chứng viên

1. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản khác của Hiệp hội, Hội công chứng viên được thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, các quy định của Hội đồng công chứng viên toàn quốc, Nội quy Hội công chứng viên.

2. Hội đồng công chứng viên toàn quốc báo cáo Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc về tình hình tài chính của Hiệp hội trong nhiệm kỳ và kế hoạch tài chính của Hiệp hội trong nhiệm kỳ tiếp theo.

Ban chấp hành báo cáo Đại hội Hội công chứng viên về tình hình tài chính của Hội công chứng viên trong nhiệm kỳ và kế hoạch tài chính nhiệm kỳ tiếp theo.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 34. Khen thưởng

1. Các cơ quan của Hiệp hội, Hội công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên và các tổ chức, cá nhân khác có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghề nghiệp cũng như hoạt động hội, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển nghề công chứng thì được Hiệp hội, Hội công chứng viên khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Căn cứ quy định của Điều lệ này và pháp luật về thi đua, khen thưởng, Ban Thường vụ, Ban chấp hành quy định cụ thể về hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng và quyết định việc khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

Điều 35. Kỷ luật

1. Hội viên có hành vi vi phạm quy định pháp luật, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, Điều lệ Hiệp hội, Nội quy Hội công chứng viên và các quy định khác của Hiệp hội, Hội công chứng viên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Tạm đình chỉ tư cách hội viên. Thời hạn tạm đình chỉ dưới 12 (mười

hai) tháng;

d) Khai trừ khỏi Hội công chứng viên.

Quyết định kỷ luật được gửi cho Hiệp hội và Sở Tư pháp nơi Hội công chứng viên được thành lập.

2. Hội viên thuộc một trong các trường hợp sau đây thì đương nhiên bị khai trừ khỏi Hội công chứng viên:

a) Bị miễn nhiệm công chứng viên;

b) Không đóng phí hội viên 06 tháng trong năm mà không có lý do chính đáng.

3. Hội viên thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị xem xét, xử lý kỷ luật bằng hình thức khai trừ khỏi Hội công chứng viên:

a) Vi phạm nghiêm trọng Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, Điều lệ Hiệp hội, Nội quy Hội công chứng viên;

b) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách hội viên.

4. Căn cứ quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật, Hội đồng công chứng viên toàn quốc quy định các hành vi vi phạm và việc áp dụng các hình thức kỷ luật, thủ tục xem xét và quyết định kỷ luật đối với hội viên.

Điều 36. Khiếu nại quyết định kỷ luật

1. Hội viên bị xử lý kỷ luật có quyền khiếu nại đối với Quyết định kỷ luật của Ban chấp hành.

2. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện trên cơ sở Luật khiếu nại.

3. Căn cứ quy định của Luật khiếu nại, quy định pháp luật khác có liên quan và Điều lệ này, Hội đồng công chứng viên toàn quốc hướng dẫn cụ thể thẩm quyền, thủ tục giải quyết khiếu nại.

Điều 37. Khiếu nại đối với hành vi của công chứng viên, quyết định, hành vi của Ban chấp hành, Chủ tịch Hội, các cơ quan của Hiệp hội, Chủ tịch Hiệp hội

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại đối với hành vi của hội viên là công chứng viên; quyết định, hành vi của Ban chấp hành, Chủ tịch Hội, các cơ quan của Hiệp hội, Chủ tịch Hiệp hội khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện trên cơ sở Luật khiếu nại.

3. Căn cứ quy định của Luật khiếu nại, quy định pháp luật khác có liên quan và Điều lệ này, Hội đồng công chứng viên toàn quốc hướng dẫn cụ thể thẩm quyền, thủ tục giải quyết khiếu nại.

Điều 38. Tố cáo

1. Cá nhân có quyền tố cáo hội viên là công chứng viên, cơ quan của Hiệp hội, Hội công chứng viên về các hành vi vi phạm pháp luật, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng, Điều lệ Hiệp hội, Nội quy Hội công chứng viên.

2. Ban chấp hành giải quyết tố cáo đối với hành vi của hội viên là công chứng viên, các cơ quan và các chức danh trong cơ quan của Hội công chứng viên. Ban Thường vụ giải quyết tố cáo đối với hành vi của Ban chấp hành, các cơ quan và các chức danh trong cơ quan của Hiệp hội.

3. Căn cứ quy định của Điều lệ này, quy định của pháp luật về tố cáo và quy định pháp luật khác có liên quan, Hội đồng công chứng viên toàn quốc quy định thẩm quyền, thủ tục giải quyết tố cáo.

Chương VII

QUAN HỆ CỦA HIỆP HỘI, HỘI CÔNG CHỨNG VIÊN VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 39. Quan hệ của Hiệp hội, Hội công chứng viên với cơ quan quản lý nhà nước về công chứng

1. Hiệp hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội công chứng viên chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan có thẩm quyền nơi Hội công chứng viên được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Quan hệ của Hiệp hội, Hội công chứng viên với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Hiệp hội có thể tham gia làm thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Hội công chứng viên có thể tham gia làm thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội công chứng viên được thành lập.

Điều 41. Quan hệ của Hiệp hội, Hội công chứng viên với Liên minh Công chứng Quốc tế, các tổ chức công chứng quốc tế và nước ngoài

1. Hiệp hội công chứng viên Việt Nam mở rộng quan hệ quốc tế với Liên minh Công chứng Quốc tế, các tổ chức công chứng quốc tế và nước ngoài trên cơ sở tự chủ, bình đẳng và hợp tác nhằm góp phần phát triển nghề công chứng,

nâng cao vai trò, vị thế của Hiệp hội và công chứng Việt Nam trên thế giới.

2. Hiệp hội là thành viên của Liên minh Công chứng Quốc tế, đại diện cho hội viên trong quan hệ với Liên minh Công chứng Quốc tế, các tổ chức công chứng quốc tế và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Quan hệ của Hiệp hội, Hội công chứng viên với Liên minh Công chứng Quốc tế, các tổ chức công chứng quốc tế và nước ngoài được thực hiện theo quy chế đối ngoại và hợp tác quốc tế do Hội đồng công chứng viên toàn quốc ban hành, phù hợp với quy định của Điều lệ này, pháp luật về hợp tác quốc tế.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hiệp hội gồm 8 Chương 44 Điều đã được Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc lần thứ nhất thông qua và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Ban Thường vụ có thẩm quyền hướng dẫn và giám sát việc thực hiện các quy định của Điều lệ này.

3. Trong trường hợp có sự thay đổi của pháp luật mà các quy định của Điều lệ này không phù hợp thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong trường hợp nhiệm kỳ của Hội công chứng viên không phù hợp với nhiệm kỳ của Hiệp hội thì nhiệm kỳ của Hội công chứng viên được điều chỉnh để phù hợp với nhiệm kỳ của Hiệp hội.

2. Điều lệ của Hội công chứng viên hết hiệu lực thi hành sau 06 (sáu) tháng kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành.

3. Ban Thường vụ hướng dẫn việc gia nhập Hiệp hội, việc cử đại biểu tham dự Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc, quyết định mức phí gia nhập, phí hội viên, phương thức thu phí và khen thưởng, kỷ luật đối với công chứng viên tại các tỉnh chưa thành lập Hội công chứng viên.

Điều 44. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội thuộc thẩm quyền của Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc và phải được trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tư pháp./.